

Bản án số: 80/2022/HS-ST

Ngày: 07-9-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Thanh Tiền

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Cư

Ông Lương Hùng Đức

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tùng Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Đầu- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 107/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

**Huỳnh Thị Ngọc H**, sinh năm 1987 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Nơi thường trú: 25/4B Ấp 2, xã Xuân Thới T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi tạm trú: 229/21 đường Liên khu 4-5, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn L; con bà: Nguyễn Thị L1; Có chồng tên Nguyễn Thanh T; Có con 02 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/04/2022 (có mặt tại phiên tòa).

*Bị hại:* Bà Đoàn Thị Trang Cẩm T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: 42 đường N, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Trần Thúy A, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: 77A Lầu 3 chung cư Đ, Phường B, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thị Ngọc H là người giúp việc nhà cho bà Đoàn Thị Trang Cẩm T tại nhà số 42 đường N, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 22 tháng 8 năm 2014, H lên lầu 1 để làm vệ sinh phòng ngủ của bà T.

Trong lúc dọn dẹp tại phòng ngủ thì H nhìn thấy hộp bàn trang điểm của bà T đang mở, bên trong có 01 hộp không có nắp đậy, chứa vài chiếc nhẫn. H dùng tay phải lấy 01 chiếc nhẫn trong hộp ra xem thì thấy chiếc nhẫn được làm bằng kim loại màu trắng, phía bên trên có đính nhiều hột đá màu trắng. Do cần tiền tiêu xài nên H lén lút lấy chiếc nhẫn bỏ vào túi quần bên phải rồi tiếp tục làm việc. Đến khoảng 09 giờ 00 cùng ngày, H đem chiếc nhẫn đến Cửa hàng mua bán vàng - bạc ĐKT (số 22D-23D-24D-25D đường C, Phường N1, Quận N) gặp bà Trần Thúy A hỏi bán chiếc nhẫn. Bà Thúy A kiểm tra chiếc nhẫn rồi nói cho H biết chiếc nhẫn cân nặng 2,5 chỉ loại vàng trắng 5 tuổi. H bán lại chiếc nhẫn trên cho bà Thúy A với giá 4.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H đi mua đồ ăn, trong lúc mua đồ ăn H đã đánh rơi hết số tiền bán nhẫn và H về nhà bà T làm việc bình thường.

Đến khoảng 08 giờ 00 ngày 26/8/2014, H tiếp tục lên phòng ngủ của bà T dọn vệ sinh và phát hiện tủ bàn trang điểm của bà T mở nên H tiếp tục lấy 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng có đính 01 viên đá trong tủ của bà T. Sau đó, H lên lầu 2 đi vào phòng giữ đồ của gia đình giấu chiếc nhẫn trên cái kệ để giày rồi làm việc bình thường. Đến 15 giờ 00 cùng ngày, bà T phát hiện mất 02 chiếc nhẫn để trong tủ nên kêu H lại hỏi thì H thừa nhận trộm cắp 02 chiếc nhẫn như trên. H mang 01 chiếc nhẫn vừa trộm được của bà T vào ngày 26/8/2014 trả lại cho bà T. Sau đó, H cùng bà T đến Cửa hàng mua bán vàng - bạc ĐKT, số 22D-23D-24D-25D Đường C, Phường N1, Quận N gặp bà Thúy A để bà T hỏi chuộc lại chiếc nhẫn mà H đã bán trước đó thì bà Thúy A cho biết chiếc nhẫn kim loại vàng trắng đã cho thợ tháo hột đá ra và nấu chảy. Sau đó, bà Thúy A đã giao nộp chiếc nhẫn kim loại màu trắng đã được tháo hột đá và bị nấu chảy cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Đối với chiếc nhẫn do Huỳnh Thị Ngọc H lấy trộm vào ngày 26/8/2014 Công an Phường N1, Quận N đã lập biên bản trao trả cho bà Đoàn Thị Trang Cẩm T. Sau khi sự việc xảy ra bà T không còn sinh sống tại số 42 đường N, Phường N1, Quận N đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể tiến hành thu mẫu để phục vụ công tác định giá. Do đó, không có cơ sở xử lý Huỳnh Thị Ngọc H về lần trộm cắp tài sản nêu trên.

Ngày 29/01/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Huỳnh Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản”. quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Ngày 28/4/2022 Huỳnh Thị Ngọc H bị bắt theo Quyết định truy nã. Tại Cơ quan điều tra H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bà Trần Thúy A trình bày: Bà Thúy A cho biết có mua chiếc nhẫn do Huỳnh Thị Ngọc H bán với giá 4.000.000 đồng nhưng không biết H trộm cắp mà có. Ngày 24/8/2014, bà Trần Thúy A đã tự thỏa thuận mua lại chiếc nhẫn đã bị Huỳnh Thị Ngọc H lấy trộm ngày 22/8/2014 của bà Đoàn Thị Trang Cẩm T với giá 80.000.000 đồng. Ngày 11/5/2015, bà Trần Thúy A làm đơn xin nhận lại tài sản. Ngày 15/5/2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 đã lập biên bản trao trả số tài sản trên cho bà Trần Thúy A.

Ngày 28/8/2014, bà Đoàn Thị Trang Cẩm T có đơn bãi nại và đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Trần Thúy A và Huỳnh Thị Ngọc H.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc nhẫn kim loại vàng trắng đã được tháo hột đá ra và bị nấu chảy gồm: 96 (chín mươi sáu) viên đá là hột xoàn hình vuông kích thước 2 li; 75 (bảy mươi lăm) viên đá là hột xoàn hình tròn kích thước 1,4 li; 01 (một) thỏi kim loại là vàng trắng trọng lượng 4 chỉ 8 li.

Tại bản kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 160/HĐĐG ngày 27/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 5 kết luận như sau:

- 96 viên đá là hột xoàn vuông kích thước 2 li, đã qua sử dụng, tỷ lệ mới 100%, giá 80.000 đồng/ viên x 96 viên = 7.680.000 đồng (bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- 75 viên đá là hột xoàn tròn kích thước 1,4 li, đã qua sử dụng, tỷ lệ mới 100%, giá 40.000 đồng/1 viên x 75 viên = 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

- 01 thỏi kim loại là vàng trắng trọng lượng 4 chỉ 8 li (tương đương vàng 14k), đã qua sử dụng, tuổi vàng 14K, giá 1.700.000 đồng/chỉ x 4 chỉ 8 li = 8.160.000 đồng (Tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản định giá là 18.840.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đoàn Thị Trang Cẩm T đã thỏa thuận bán lại chiếc nhẫn cho bà Trần Thúy A và đã nhận lại tài sản đầy đủ nên không yêu cầu bồi thường. Bà Trần Thúy A không có yêu cầu bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H bồi thường.

Bản cáo trạng số: 68/CT-VKS ngày 27/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, h và p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H với mức án tù 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; vật chứng xử lý theo quy định pháp luật; về trách nhiệm dân sự: Bà Đoàn Thị Trang Cẩm T và bà Trần Thúy A không yêu cầu bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H không có ý kiến bào chữa, tranh luận và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 5, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc KH nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, vào ngày 22/8/2014 bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc nhẫn kim loại vàng trắng có đính hột xoàn có tổng trị giá 18.840.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) của bà Đoàn Thị Trang Cẩm T. Hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Do hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H thực hiện vào ngày 22/8/2014 có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), có mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm bằng với hình phạt của tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) theo hướng dẫn tại điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xét xử đối với bị cáo.

Đối với các quy định về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, căn cứ quyết định hình phạt và xử lý vật chứng thì áp dụng các quy định pháp luật hiện hành theo hướng có lợi cho bị cáo.

Đối với chiếc nhẫn mà bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H lấy trộm vào ngày 26/8/2014, do Công an Phường 5, Quận 5 đã lập biên bản trao trả cho bà Đoàn Thị Trang Cẩm T. Sau khi sự việc xảy ra bà T không còn sinh sống tại số 42 đường N, Phường 5, Quận 5 và đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể tiến hành thu mẫu để phục vụ công tác định giá tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý bị cáo H về lần trộm cắp nêu trên, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe, có đủ khả năng nhận biết được hành vi của mình, biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; nhằm mục đích giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại nên được xem như phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị hại đã có đơn bãi nại đối với bị cáo H. Do không có cơ sở xử lý đối với bị cáo H về hành vi trộm cắp ngày 26/8/2014 nên không coi là bị cáo phạm tội nhiều lần, vì vậy áp dụng có lợi cho bị cáo nên xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội có hoàn cảnh khó khăn và đang nuôi 02 người con con nhỏ. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù với một thời gian nhất định để có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời đủ sức răn đe đối với những người khác có hành vi tương tự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm tội nhưng khó khăn về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về tiền thu lợi bất chính: Bị cáo H đã bán chiếc nhẫn cho bà Trần Thúy A được số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo đã tiêu xài cá nhân và bị rơi mất hết số tiền còn lại. Mặc dù, bà Thúy A không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền nêu trên nhưng do bị cáo hưởng lợi bất chính số tiền 4.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo H nộp lại để sung ngân sách nhà nước.

[8] Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[9] Đối với bà Trần Thúy A mua chiếc nhẫn của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H, nhưng do bà Thúy A không biết và bị cáo H cũng không nói rõ nguồn gốc chiếc nhẫn của H bán là do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ cơ sở xem xét xử lý đối với bà Thúy A là phù hợp với quy định pháp luật.

[10] Về vật chứng: Xét 01 chiếc nhẫn kim loại vàng trắng đã được tháo hột đá ra và bị nấu chảy gồm: 96 (chín mươi sáu) viên đá là hột xoàn hình vuông kích thước 2 li; 75 (bảy mươi lăm) viên đá là hột xoàn hình tròn kích thước 1,4 li; 01 (một) thỏi kim loại là vàng trắng trọng lượng 4 chỉ 8 li. Bà Trần Thúy A đã tự thỏa thuận mua lại của bà Đoàn Thị Trang Cẩm T với giá 80.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 đã thu hồi giao lại cho bà Trần Thúy A nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bà Đoàn Thị Trang Cẩm T và bà Trần Thúy A không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Bị cáo phải bầu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 04 năm 2022.

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Ngọc H nộp lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Cơ quan CSĐT Công an Quận 5;
- Bộ phận THA HS Tòa án Quận 5;
- Phòng PV 06 – Công an TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thanh Tiền**